|  |  |
| --- | --- |
|  **UỶ BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH HÀ NAM** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /QĐ-UBNDDự thảo | *Hà Nam, ngày tháng năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số*[*80/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx)*ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số …/TTr-SKHĐT-TĐ ngày … tháng … năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Vụ Pháp chế - Bộ KH&ĐT;- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;- UBMTTQ tỉnh,- CT, các PCT UBND tỉnh;- Các PVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, VXNV. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH****Trương Quốc Huy** |

**QUY CHẾ**

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM
*(Kèm theo Quyết định số …/2023/QĐ-UBND ngày … tháng … năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx) ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP) và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Hà Nam thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

3. Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

**Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ**

Việc quản lý và sử dụng khoản viện trợ tuân thủ theo nguyên tắc quy định
tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP

**Điều 4. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ**

1. Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế - xã hội, không vì lợi ích cộng đồng.

3. Các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng viện trợ.

**Điều 5. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ**

1. Đối với các khoản viện trợ do cơ quan chủ quản là các đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động, cơ quan chủ quản lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính đề chuẩn bị chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

**Chương II**

**THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ**

**Điều 6. Thẩm quyền, quyết định phê duyệt**

1. Thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 7 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx)

2. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

**Điều 7. Hồ sơ khoản viện trợ**

1. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 06 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo. Thành phần hồ sơ quy định tại Điều 8 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

2. Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

3. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 8. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ**

1. Cơ quan chủ trì thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx), cụ thể như sau:

a) Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ tới các Sở: Tài chính, Công an tỉnh và các Sở, ban, ngành chức năng liên quan ở địa phương để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

c) Trình phê duyệt khoản viện trợ: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ hoặc báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định làm cơ sở để Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Thẩm định khoản viện trợ:

Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của cơ quan chủ trì thẩm định là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan chủ quản thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

Đối với viện trợ khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx), khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

4. Nội dung thẩm định:

a) Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;

b) Tư cách pháp nhân của các bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

c) Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; khả năng đóng góp đối ứng của phía Việt Nam;

d) Các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

đ) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

e) Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ phi dự án.

5. Thời gian thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Phê duyệt khoản viện trợ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Chương III**

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**

**Điều 9. Quản lý thực hiện viện trợ**

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx), cụ thể như sau:

a) Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ);

b) Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới;

c) Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản quy định tại Điều 13 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ quy định tại Điều 14 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án quy định tại Điều 15 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

5. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

6. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản (UBND tỉnh) đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 10. Quản lý tài chính viện trợ**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx) và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

5. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

**Điều 11. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ**

1. Chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện), các chủ khoản viện trợ báo cáo tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12 của năm báo cáo) và khi có yêu cầu đột xuất.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên tổng hợp kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các chủ khoản viện trợ báo cáo kết quả vận động viện trợ theo định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12 của năm báo cáo) và khi có yêu cầu đột xuất.

3. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ

Chủ khoản viện trợ gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ đến các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 6, Điều 9 của Quy chế này.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số [84/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-84-2015-nd-cp-giam-sat-danh-gia-dau-tu-292148.aspx) ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ giám sát và đánh giá đầu tư, Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx) và văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương;

c) Công an tỉnh chủ trì giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng quản lý nhà nước. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hàng năm để chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

d) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm đảm bảo không chồng chéo; đề xuất với UBND tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan theo thẩm quyền (nếu có). Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan**

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với các ngành liên quan giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

b) Phối hợp thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương II, III của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ viện trợ; thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho các chương trình, dự án theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị giao ban hàng năm về vận động, quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì báo cáo kết quả thực hiện và tình hình giải ngân; công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 11 của Quy chế này;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính

Là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương III của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

c) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx);

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

4. Công an tỉnh

Là đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương II, III của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan chức năng xử lý các vụ việc, hiện tượng, phương tiện, tài sản liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và có yếu tố nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an ninh trật tự đối với các hoạt động viện trợ và tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

c) Chủ trì thực hiện các thủ tục cấp, gia hạn đăng ký phương tiện giao thông thuộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ hoạt động trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu;

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc thực hiện.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ; thẩm định sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức công tác rà phá bom mìn và thẩm định địa bàn rà phá bom mìn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số [18/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-18-2019-nd-cp-quan-ly-hoat-dong-khac-phuc-hau-qua-bom-min-vat-no-sau-chien-tranh-406491.aspx) ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia công tác tuyển chọn, thẩm định năng lực của các đơn vị, cá nhân tham gia rà phá bom mìn.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Nam

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ để tiếp nhận các khoản viện trợ nước ngoài liên quan đến chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc có hợp phần tài chính vi mô thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định tại Quyết định số [20/2017/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-20-2017-qd-ttg-hoat-dong-chuong-trinh-du-an-tai-chinh-vi-mo-to-chuc-chinh-tri-352057.aspx) ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

8. Kho bạc nhà nước tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương III, IV Nghị định số [80/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-80-2020-nd-cp-quan-ly-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-co-quan-nuoc-ngoai-danh-cho-viet-nam-447029.aspx).

9. Các Sở, ban, ngành và cơ quan liên quan

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định;

c) Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn viện trợ từng năm, từng thời kỳ.

10. UBND cấp huyện

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, cho ý kiến thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Những cam kết, điều kiện của các bên tham gia sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ. Khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn;

c) Chuẩn bị mặt bằng sạch, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ khoản viện trợ;

d) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn huyện. Theo dõi, giám sát tham mưu UBND cấp huyện báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

11. Bên tiếp nhận viện trợ

a) Chủ trì vận động, đàm phán, ký kết các khoản viện trợ khi được UBND tỉnh thống nhất chủ trương. Lập hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các khoản viện trợ. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong vận động, đàm phán, ký kết khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định văn kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Tổ chức bộ máy thực hiện, chủ động cân đối nguồn lực (hiện vật, tiền mặt...) để bố trí vốn đối ứng thực hiện các khoản viện trợ theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ;

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.